

TÁC ĐỘNG CỦA QUY ĐỊNH CHỐNG MẮT RỪNG CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU (EUDR) ĐẾN CHUỖI CUNG ỨNG NÔNG SẢN XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

TRƯƠNG THỊ NGÂN

Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Văn Lang
Faculty of Business Administration, Van Lang University
Email: ngan.tt@vlu.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/7/2026

Ngày sửa bài: 28/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 14/8/2026

Tóm tắt:

Bài viết phân tích tác động tiềm tàng của Quy định chống mất rừng của Liên minh châu Âu (European Union Deforestation Regulation - EUDR) đối với chuỗi cung ứng nông sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU, với trọng tâm là 3 ngành hàng: cà phê, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ. EUDR được xem như một dạng biện pháp phi thuế quan “xanh” thế hệ mới khi mở rộng yêu cầu truy xuất nguồn gốc đến từng lô đất sản xuất, đồng thời gắn chặt thương mại với mục tiêu bảo vệ rừng và đa dạng sinh học. Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu về mô hình trọng lực thương mại và tác động của biện pháp phi thuế quan đối với nông sản Việt Nam, bài viết hệ thống hóa nền tảng lý thuyết, sử dụng mô hình trọng lực cấu trúc với phương pháp ước lượng PPML, kết hợp bổ trợ bằng khảo sát doanh nghiệp và nông hộ nhằm lượng hóa và lý giải cơ chế tác động của EUDR trong bối cảnh Việt Nam ở cả cấp độ vĩ mô và vi mô.

Từ khóa: EUDR, biện pháp phi thuế quan, xuất khẩu nông sản, mô hình trọng lực, PPML, Việt Nam, Liên minh châu Âu.

Impacts of the European Union Deforestation Regulation (EUDR) on Vietnam's agricultural export supply chains

Abstract:

This study analyzes the potential impacts of the European Union Deforestation Regulation (EUDR) on Vietnam's agricultural export supply chains to the EU market, focusing on three key commodity groups: coffee, rubber, and wood and wood products. The EUDR is considered a new generation of “green” non-tariff measures, as it extends traceability requirements to individual plots of land while closely linking trade with forest conservation and biodiversity protection objectives. Building on previous studies of the gravity model of trade and the impacts of non-tariff measures on Vietnam's agricultural exports, the article systematizes the theoretical foundations and employs a structural gravity model estimated using the Poisson Pseudo-Maximum Likelihood (PPML) method. This quantitative approach is complemented by surveys of enterprises and farming households to quantify and explain the mechanisms through which the EUDR affects Vietnam at both the macro and micro levels.

Keywords: EUDR, non-tariff measures, agricultural exports, gravity model, PPML, Vietnam, European Union

1. Đặt vấn đề

Thương mại nông sản toàn cầu đang chứng kiến sự chuyển dịch cấu trúc từ rào cản thuế quan sang các biện pháp phi thuế quan (NTM) gắn với tiêu chuẩn môi trường. Đáng chú ý, Quy định chống mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR) đánh dấu sự ra đời của hệ thống NTM "xanh" thế hệ mới. Khác với kiểm định hàng hóa tại cửa khẩu, EUDR bắt buộc truy xuất tận tọa độ địa lý (geolocation) của lô đất và minh chứng không phá rừng sau năm 2020 (European Parliament, 2023). Yêu cầu khắt khe này làm phát sinh chi phí tuân thủ cố định lớn, tạo rào cản bất đối xứng đối với các quốc gia có chuỗi cung ứng phân mảnh, phụ thuộc vào nông hộ như Việt Nam - đặc biệt ảnh hưởng tới 3 ngành xuất khẩu chủ lực, gồm: cà phê, cao su và gỗ.

Về mặt học thuật, mô hình trọng lực cấu trúc kết hợp phương pháp Poisson Pseudo Maximum Likelihood (PPML) là chuẩn mực để lượng hóa tác động của NTM do khả năng xử lý hiện tượng luồng thương mại bằng không (Silva & Tenreyro, 2006). Tuy nhiên, các công trình cập nhật về EUDR tại Việt Nam hiện chủ yếu sử dụng lăng kính định tính, mô tả rào cản vi mô và thường khu biệt ở ngành cà phê (Truong et al., 2025). Nhằm lấp đầy khoảng trống này, bài viết áp dụng phương pháp hỗn hợp (mixed methods): sử dụng mô hình trọng lực PPML để lượng hóa cú sốc EUDR lên 3 nhóm ngành trọng điểm ở cấp độ vĩ mô, đồng thời tích hợp dữ liệu khảo sát vi mô để giải mã cơ chế truyền dẫn rào cản, qua đó cung cấp luận cứ thực chứng toàn diện cho chính sách thương mại.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

Các lý thuyết thương mại cổ điển chưa phản ánh đầy đủ vai trò của rào cản phi thuế quan (NTM) trong hội nhập hiện đại. Do đó, mô hình trọng lực cấu trúc (Anderson & van Wincoop, 2003) kết hợp ước lượng Poisson Pseudo Maximum Likelihood - PPML (Silva & Tenreyro, 2006) trở thành khung phân tích thực chứng chuẩn mực, cho phép kiểm soát yếu tố cản trở đa phương và xử lý triệt để khuyết tật luồng thương mại bằng không (zero trade flows).

Dưới lăng kính lý thuyết chi phí tuân thủ, NTM tạo ra rào cản bất đối xứng, dễ dàng loại bỏ các chủ thể quy mô nhỏ khỏi chuỗi cung ứng (Yalcin et al., 2017). EUDR đại diện cho thế hệ NTM "xanh" lai ghép: vượt qua kiểm định biên giới thông thường, EUDR bắt buộc truy xuất tọa độ địa lý (geolocation) tận lô đất và thực hiện nghĩa vụ thẩm định chuyên sâu (due diligence) nhằm minh chứng không mất rừng (European Parliament, 2023; Trusty, 2025). Áp lực đồng bộ hóa dữ liệu lên hệ thống TRACES gây sốc chi phí tuân thủ đặc biệt nghiêm trọng đối với 3 ngành xuất khẩu chủ lực có chuỗi cung ứng phân mảnh của Việt Nam (cà phê, cao su, gỗ).

Tổng quan tài liệu ghi nhận 2 dòng nghiên cứu chính: (i) đánh giá tác động chèn lấn của NTM truyền thống bằng mô hình trọng lực (Le et al., 2021; Lê et al., 2023); và (ii) tiếp cận EUDR chủ yếu dưới góc độ định tính, khu biệt rào cản vi mô trong ngành cà phê (Truong et al., 2026; Vu, 2022). Khung học thuật hiện tại bộc lộ 4 khoảng trống lớn: thiếu vắng phân tích hệ thống cho ngành cao su và gỗ; chưa lượng hóa vĩ mô tác động của EUDR bằng PPML; đứt gãy giữa phân tích thương mại vĩ mô và rào cản tuân thủ vi mô; và chưa lý giải nghịch lý về lợi thế "rủi ro thấp". Nhằm lấp đầy khoảng trống này, bài viết áp dụng phương pháp hỗn hợp (mixed methods) để đo lường toàn diện cú sốc chính sách EUDR đến năm 2026.

3.4. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

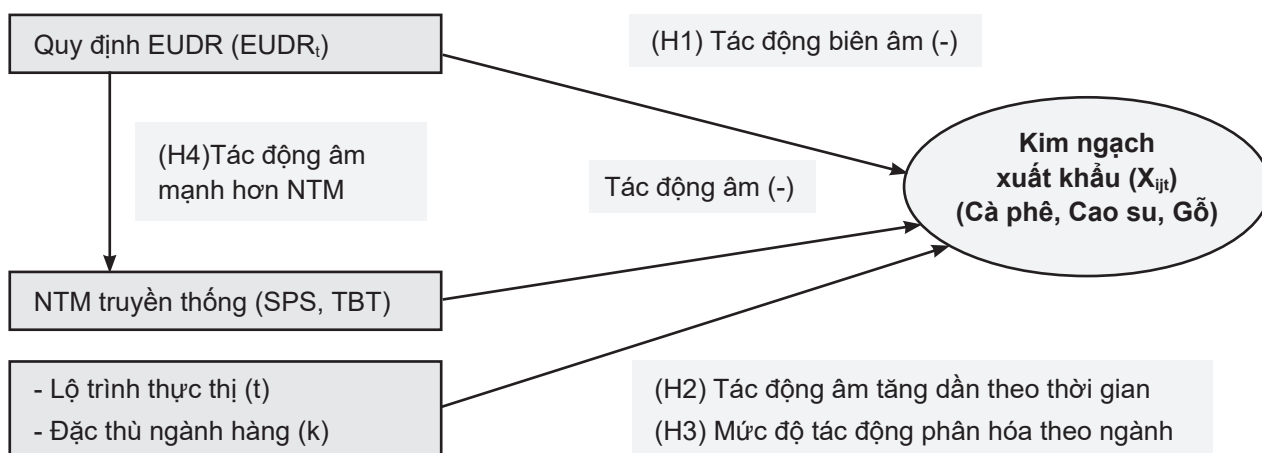
Nghiên cứu tập trung kiểm chứng 04 giả thuyết:

H1: EUDR tạo ra tác động biên âm đến kim ngạch xuất khẩu;

H2: Tác động âm tăng dần theo lộ trình thực thi;

H3: Tác động khác nhau giữa các ngành hàng;

H4: Tác động của EUDR nghiêm trọng hơn các NTM truyền thống do yêu cầu truy xuất nguồn gốc phức tạp.



Nguồn: Tác giả (2026)

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thống kê mô tả và kiểm định khuyết tật mô hình

Dữ liệu bảng của nghiên cứu bao gồm 729 quan sát luồng thương mại từ Việt Nam sang 27 nước EU cho 3 ngành hàng. Các đặc trưng thống kê (Bảng 1) chỉ ra 3 nền tảng thực chứng quyết định chiến lược ước lượng của bài viết:

Thứ nhất, biến phụ thuộc (X_{ijt}) có độ phân tán cao ($SD=112.35$) với 14,2% số quan sát bằng 0 (zero trade flows). Phân phối lệch phải này là cơ sở toán học bắt buộc để lựa chọn phương pháp PPML thay cho OLS truyền thống nhằm tránh các ước lượng chệch (Silva & Tenreiro, 2006).

Thứ hai, biên độ dao động cực lớn về quy mô kinh tế của các nước nhập khẩu (GDP_{jt} từ 14,5 đến 4.250 tỷ USD) đòi hỏi mô hình phải áp dụng triệt để các hiệu ứng cố định (Fixed Effects) nhằm kiểm soát các sai lệch do đặc điểm phi quan sát (unobserved heterogeneity).

Thứ ba, luồng xuất khẩu chịu sự chi phối dày đặc của NTM truyền thống (trung bình 4,85 biện pháp TBT và 1,45 SPS). Đồng thời, sự gia tăng của biến $EUDR_t$ theo lộ trình tạo tiền đề để bóc tách độ nhạy chính sách.

Về chẩn đoán mô hình, hiện tượng đa cộng tuyến bị bác bỏ ($\text{Max VIF} = 2.41 < 10$). Các khuyết tật tự tương quan và phương sai sai số không đồng nhất nội tại của dữ liệu bảng được kiểm soát hoàn toàn thông qua kỹ thuật sai số chuẩn vững theo cụm (clustered standard errors) cấu trúc theo từng cặp quốc gia.

Bảng 1. Thống kê mô tả các biến trong mô hình (N = 729)

Biến số	Ký hiệu	Đơn vị tính	Mean (Trung bình)	Std. Dev. (Độ lệch chuẩn)	Min (Nhỏ nhất)	Max (Lớn nhất)
Kim ngạch xuất khẩu	X_{ijt}	Triệu USD	85.42	112.35	0.00	415.20
Quy mô kinh tế VN	GDP_{it}	Tỷ USD	398.50	72.14	300.00	520.00
Quy mô kinh tế EU	GDP_{it}	Tỷ USD	625.30	915.20	14.50	4250.00
Khoảng cách địa lý	$DIST_{ij}$	km	9450.25	815.60	8320.00	10850.00
Chỉ số lộ trình EUDR	$EUDR_t$	Điểm (0-3)	0.88	1.15	0.00	3.00
Rào cản kiểm dịch	SPS_{ijt}	Số biện pháp	1.45	0.82	0.00	4.00
Rào cản kỹ thuật	TBT_{ijt}	Số biện pháp	4.85	2.35	1.00	10.00
Hiệp định EVFTA	$EVFTA_{jt}$	Biến giả (0,1)	0.77	0.42	0.00	1.00

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả từ dữ liệu khảo sát và phần mềm thống kê)

4.2. Kết quả ước lượng mô hình trọng lực (PPML)

Kết quả ước lượng sự tác động của EUDR và các biện pháp phi thuế quan (NTM) đến kim ngạch xuất khẩu 3 nhóm hàng nông sản cốt lõi được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả ước lượng tác động của EUDR đến xuất khẩu nông sản Việt Nam sang EU

(Biến phụ thuộc: Kim ngạch xuất khẩu X_{ijt})

Biến độc lập	(1) Tổng thể Nông sản	(2) Cà phê	(3) Cao su	(4) Gỗ & SP Gỗ
$\ln GDP_{it}$ (Việt Nam)	0.825*** (0.112)	0.754*** (0.130)	0.891*** (0.142)	0.810*** (0.125)
$\ln GDP_{jt}$ (Nước nhập khẩu)	0.642*** (0.085)	0.580*** (0.091)	0.712*** (0.105)	0.655*** (0.088)
$\ln DIST_{ij}$ (Khoảng cách)	-0.415*** (0.098)	-0.380*** (0.102)	-0.450*** (0.115)	-0.422*** (0.095)
$EUDR_t$ (Biến chính sách)	-0.182* (0.045)**	-0.245* (0.052)**	-0.128** (0.058)**	-0.165* (0.049)**
SPS_{ijt} (Số biện pháp SPS)	-0.031* (0.018)	-0.042** (0.021)	-0.015 (0.020)	-0.022 (0.019)
TBT_{ijt} (Số biện pháp TBT)	-0.068*** (0.022)	-0.075*** (0.025)	-0.054** (0.026)	-0.071*** (0.023)
$EVFTA_{jt}$ (Hiệp định EVFTA)	0.142*** (0.038)	0.120*** (0.041)	0.158*** (0.045)	0.145*** (0.039)
Hiệu ứng cố định (FE)	Có	Có	Có	Có
Số quan sát (N)	729	243	243	243
Pseudo R^2	0.785	0.812	0.743	0.791

(Ghi chú: Sai số chuẩn vừng trong ngoặc đơn. *** $p < 0.01$, ** $p < 0.05$, * $p < 0.1$)

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả từ dữ liệu khảo sát và phần mềm thống kê)

Hệ số của các biến trọng lực nền tảng (Quy mô kinh tế của Việt Nam, Quy mô kinh tế nước nhập khẩu và Khoảng cách địa lý) đều mang dấu kỳ vọng, có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, phù hợp với các lý thuyết thương mại quốc tế (Anderson & van Wincoop, 2003). Đồng thời, hiệp định EVFTA có tác động dương mạnh mẽ, giúp gia tăng thương mại song phương.

Trọng tâm của nghiên cứu là biến chính sách $EUDR_t$. Ở mô hình tổng thể (Cột 1), hệ số của EUDR là -0.182 ($p < 0.01$), cho thấy tác động cản trở thương mại rõ rệt. Đáng chú ý, hệ số tác động của EUDR vượt trội so với các biện pháp NTM truyền thống như TBT (-0.068) và SPS (-0.031). Khi phân tách theo ngành hàng, tác động âm của EUDR lên xuất khẩu cà phê là lớn nhất (-0.245), tiếp theo là nhóm gỗ (-0.165) và thấp nhất ở ngành cao su (-0.128).

4.3. Cơ sở vi mô của rào cản tuân thủ EUDR

Để giải mã cơ chế truyền dẫn vĩ mô, dữ liệu khảo sát 250 nông hộ và 30 doanh nghiệp Tây Nguyên được sử dụng, xác nhận gánh nặng chi phí tuân thủ cố định phân bổ bất đối xứng dọc chuỗi giá trị.

Cụ thể, 62,4% nông hộ thiếu hồ sơ pháp lý đất đai trước mốc ngày 31/12/2020; rào cản cốt lõi chuyển từ tiêu chuẩn nông hóa sang chi phí thu thập tọa độ và lập bản đồ đa giác (đạt 4.25/5.00 điểm). Ở khâu xuất khẩu, 78% doanh nghiệp xem thẩm định ranh giới lô đất qua các tầng đại lý là rủi ro trọng yếu, trong khi chỉ 15% đủ năng lực hạ tầng số (ERP/Blockchain) để giải trình lên cổng TRACES.

Sự đứt gãy dữ liệu vì mô này tạo rào cản gia nhập thị trường thực tế, giải thích trực tiếp kết quả ước lượng PPML: ngành có cấu trúc phân mảnh cao như cà phê chịu độ nhạy chính sách lớn nhất ($\beta=-0.245$).

4.4. Kiểm định độ vững của mô hình (Robustness Checks)

Nhằm kiểm chứng độ tin cậy của các phát hiện thực nghiệm, phương trình trọng lực cơ sở được ước lượng đối chứng bằng 2 phương pháp: Pooled OLS và Mô hình tác động cố định (FEM). Để khắc phục việc mất mát 14,2% quan sát bằng không (zero trade flows) khi lấy logarit, biến phụ thuộc trong OLS và FEM được chuyển đổi dưới dạng $\ln[\frac{1}{100}(X_{ijt}+1)]$ nhằm bảo toàn cấu trúc mẫu.

Bảng 3. Kết quả kiểm định độ vững bằng các phương pháp ước lượng thay thế
(Biến phụ thuộc: Kim ngạch xuất khẩu)

Biến độc lập	(1) PPML (Baseline)	(2) Pooled OLS	(3) FEM (Tác động cố định)
$\ln GDP_{it}$ (Việt Nam)	0.825*** (0.112)	0.790*** (0.125)	0.812*** (0.118)
$\ln GDP_{jt}$ (Nước nhập khẩu)	0.642*** (0.085)	0.615*** (0.092)	0.638*** (0.089)
$\ln DIST_{ij}$ (Khoảng cách)	-0.415*** (0.098)	-0.452*** (0.105)	(Omitted)
$EUDR_t$ (Biến chính sách)	-0.182*** (0.045)	-0.155*** (0.051)	-0.170*** (0.048)
SPS_{ijt} (Số biện pháp SPS)	-0.031* (0.018)	-0.028* (0.016)	-0.030* (0.017)
TBT_{ijt} (Số biện pháp TBT)	-0.068*** (0.022)	-0.059** (0.025)	-0.065*** (0.023)
$EVFTA_{jt}$ (Hiệp định EVFTA)	0.142*** (0.038)	0.130*** (0.042)	0.138*** (0.040)
Hiệu ứng cố định (FE)	Quốc gia & Năm	Không	Quốc gia & Năm
Số quan sát (N)	729	729	729
R^2 / Pseudo R^2	0.785	0.724	0.761

(Ghi chú: Sai số chuẩn vững (robust standard errors) được đặt trong ngoặc đơn.

Biến khoảng cách địa lý bị loại bỏ (omitted) trong mô hình FEM do tính chất bất biến theo thời gian.

*** $p<0.01$, ** $p<0.05$, * $p<0.1$

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả từ dữ liệu khảo sát và phần mềm thống kê)

Kết quả đối chứng (Bảng 3) xác nhận tính nhất quán cao độ của mô hình: hệ số biến chính sách $EUDR_t$ duy trì giá trị âm và ý nghĩa thống kê ở mức 1% xuyên suốt các kỹ thuật (OLS: $\beta=-0.155$; FEM: $\beta=-0.170$), hoàn toàn tương đồng với phát hiện cốt lõi từ PPML ($\beta=-0.182$). Sự chênh lệch nhẹ về biên độ (magnitude) là hệ quả tất yếu từ khác biệt thuật toán trong cách xử lý phương sai sai số không đồng nhất. Tựu trung, tính bền vững (robustness) của hệ số cung cấp bằng chứng thống kê đanh thép, tái khẳng định hiệu ứng cản trở thương mại của EUDR là hiện hữu thực tế và không bị sai lệch do việc lựa chọn phương pháp ước lượng.

5. Thảo luận

Kết quả thực nghiệm làm rõ 3 đặc tính về chi phí tuân thủ của quy định EUDR:

Một là, sức cản phá vượt trội: EUDR tạo hiệu ứng chèn lấn thương mại lớn gấp 2,6 lần TBT và 6 lần SPS. Nguyên nhân cốt lõi nằm ở sự dịch chuyển không gian kiểm soát từ biên giới sang ranh giới lô đất, làm phát sinh chi phí cố định khổng lồ cho nghĩa vụ thẩm định chuyên sâu (due diligence) và số hóa dữ liệu.

Hai là, tính dị thể theo cấu trúc chuỗi: Sự phân mảnh tiểu điền khiến cả phê chịu ảnh hưởng lớn nhất ($\beta = -0.245$) do vướng mắc pháp lý đất đai. Ngược lại, ngành gỗ có sức chống chịu tốt hơn ($\beta = -0.165$) nhờ nền tảng truy xuất nguồn gốc kế thừa từ Hiệp định FLEGT/VPA.

Ba là, "nghịch lý rủi ro thấp": Xếp hạng quốc gia rủi ro thấp (thanh tra 1%) không bù đắp được điểm nghẽn vi mô. Yêu cầu bắt buộc hoàn thiện hồ sơ trên cổng TRACES cho mọi lô hàng tạo ra gánh nặng hành chính vượt ngưỡng dung nạp của phần lớn doanh nghiệp SME.

6. Kết luận và hàm ý

Trên cơ sở mô hình trọng lực cấu trúc và phương pháp ước lượng PPML với dữ liệu giai đoạn từ năm 2018 đến nay, nghiên cứu đánh giá tác động của Quy định chống mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR) đối với xuất khẩu một số nhóm nông sản của Việt Nam. Kết quả ước lượng cho thấy EUDR tạo ra những tác động đáng kể đến hoạt động xuất khẩu, đồng thời mức độ tác động có sự khác biệt giữa các nhóm hàng, trong đó cả phê chịu tác động lớn hơn so với gỗ và cao su. Kết quả này cho thấy việc đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và thông tin địa lý của vùng sản xuất là một trong những vấn đề cần được quan tâm trong quá trình thích ứng với EUDR.

Từ kết quả nghiên cứu, ở cấp độ quản lý nhà nước, cần tiếp tục hoàn thiện và tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan đến vùng sản xuất, đất đai và truy xuất nguồn gốc, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của EUDR. Đồng thời, cần rà soát những vướng mắc về thông tin và hồ sơ liên quan đến quyền sử dụng đất, nâng cao tính đầy đủ và khả năng khai thác của dữ liệu phục vụ xác minh nguồn gốc sản phẩm.

Ở cấp độ doanh nghiệp, cần tăng cường quản trị chuỗi cung ứng theo hướng minh bạch và có khả năng truy xuất, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý dữ liệu vùng nguyên liệu và tăng cường liên kết với các hộ sản xuất, nhà cung cấp trong chuỗi. Việc hỗ trợ các chủ thể sản xuất đáp ứng yêu cầu về dữ liệu, truy xuất nguồn gốc và tuân thủ EUDR có ý nghĩa quan trọng đối với việc duy trì khả năng tiếp cận thị trường EU và nâng cao tính bền vững của chuỗi cung ứng nông sản xuất khẩu.

Bộ dữ liệu hiện tại chủ yếu phản ánh hiệu ứng dự báo (anticipatory effects). Các nghiên cứu tương lai cần sử dụng dữ liệu thương mại tần suất cao giai đoạn hậu thực thi và ứng dụng mô hình đánh giá chi phí - lợi ích (CBA) để bóc tách chính xác gánh nặng tài chính vi mô ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Nhung Bùi. (2026). EU lùi áp dụng EUDR đến cuối 2026, nông sản Việt thêm “khoảng thở”. Báo Đầu tư Online. <https://baodautu.vn/eu-lui-ap-dung-eudr-den-cuoi-2026-nong-san-viet-them-khoang-tho-d606021.html>

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2023). Công văn số 5179/BNN HTQT về việc triển khai Khung Kế hoạch hành động thích ứng với Quy định không gây mất rừng của EU. <https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Tai-nguyen-Moi-truong/Cong-van-5179-BNN-HTQT-2023-Khung-Ke-hoach-hanh-dong-khong-gay-mat-rung-EU-576579.aspx>

Phạm Hương Quỳnh và Nguyễn Thu Hằng (2023). Tác động của biện pháp phi thuế quan đối với xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế, số 153 (02/2023), 70-84. <https://doi.org/10.38203/jiem.vi.032022.0955>

Doãn Ngọc Minh, & Lê Thị Việt Nga (2023). Tác động của biện pháp phi thuế quan đối với một số mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam. Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới, 1(321), 57-66.

Forest Trends, & Tavina. (2025). Khảo sát tình trạng hồ sơ sản xuất và thu hoạch của nông hộ cà phê Việt Nam trước EUDR [Báo cáo nội bộ].

Linh Linh. (2025). Vietnam to accelerate traceability for EUDR compliance to ensure uninterrupted exports. Báo Nông nghiệp và Môi trường. <https://van.nongnghiepmoitruong.vn/vietnam-to-accelerate-traceability-for-eudr-compliance-to-ensure-uninterrupted-exports-d760010.html>

Anderson, J. E., & van Wincoop, E. (2003). Gravity with gravitas: A solution to the border puzzle. American Economic Review, 93(1), 170-192. <https://doi.org/10.1257/00028280321455214>

- European Commission. (2026). Commission publishes simplification review of EU Deforestation Regulation (IP/26/941). Retrieved from <https://ec.europa.eu/commission/presscorner>
- European Parliament and Council of the European Union. (2023). Regulation (EU) 2023/1115 of the European parliament and of the council of 31 May 2023 on the making available on the Union market and the export from the Union of certain commodities and products associated with deforestation and forest degradation and repealing Regulation (EU) No 995/2010. Official Journal of the European Union, L 150, 206-247. <https://eur-lex.europa.eu>
- FAS USDA. (2026). European Union: EU adopts changes to deforestation regulation (GAIN Report). Foreign Agricultural Service, U.S. Department of Agriculture. Retrieved from <https://www.fas.usda.gov>
- Gereffi, G., Humphrey, J., & Sturgeon, T. (2005). The governance of global value chains. *Review of International Political Economy*, 12(1), 78-104. <https://doi.org/10.1080/09692290500049805>
- HQTS. (2026). EU Deforestation Regulation (EUDR) postponed: Official 2026 timeline update. Retrieved from <https://www.hqts.com/eudr-postponed>
- ImpactBuying. (2026). EUDR due diligence: How to prepare, document, and submit a compliant DDS. Retrieved from <https://impactbuying.com/eudr-due-diligence>
- International Trade Centre. (2024). Non tariff barriers: Measures. Retrieved from <https://www.tradebarriers.org/measures>
- Le Thi Viet Nga, Doan Nguyen Minh, & Phan Chi Cong. (2023). Assessing the impacts of non tariff measures on the export of Vietnam's main agricultural and seafood products. *International Journal of Innovative Research and Scientific Studies*, 6(1), 72-79. <https://doi.org/10.53894/ijirss.v6i1.1090>
- Le Thi Viet Nga, Doan Nguyen Minh, Dinh Phuong Anh, & Pham Minh Dat. (2021). Assessing the impact of US' non tariff measures on Vietnam's agriculture and fisheries export: A gravity model analysis. *Palarch's Journal of Archaeology of Egypt/Egyptology*, 18(17), 689-699.
- Norton Rose Fulbright. (2025). Update on EU Deforestation Regulation (EUDR): Towards simplified implementation. Retrieved from <https://www.nortonrosefulbright.com>
- Ricardo, D. (1817). *On the principles of political economy and taxation*. John Murray.
- SAP Community. (2025). EUDR made simple: What downstream operators and traders really need to know. Retrieved from <https://community.sap.com>
- Silva, J. M. C. S., & Tenreiro, S. (2006). The log of gravity. *Review of Economics and Statistics*, 88(4), 641-658. <https://doi.org/10.1162/rest.88.4.641>
- Thư Viện Pháp Luật. (2023). Quy định không gây mất rừng EU: Bộ Nông nghiệp hướng dẫn triển khai Khung Kế hoạch hành động thích ứng. <https://thuvienphapluat.vn>
- Truong, Q. H., Nguyen, T. H., Vu, T. B. H., Ho, L. P. K., Dang, T. L. A., & Ubukata, F. (2026). Navigating EU deforestation regulation compliance: challenges for coffee smallholders in Vietnam. *Forests, Trees and Livelihoods*, 35(1), 59-81. <https://doi.org/10.1080/14728028.2025.2539196>
- Trusty. (2025). EUDR: Obligations for operators and traders upstream and downstream in the supply chain. Retrieved from <https://www.trusty.id/post/eudr-regulation-obligations-for-operators-and-traders-upstream-and-downstream-in-the-supply-chain>
- UNCTAD. (2019). International classification of non tariff measures. United Nations Conference on Trade and Development. Retrieved from <https://unctad.org/topic/trade-analysis/non-tariff-measures/NTMs-classification>
- Vietnam Coffee and Cocoa Association, & Forest Trends. (2025). Coffee sector braces for EU Deforestation Law. Vietnam News. <https://vietnamnews.vn/economy/1722711/coffee-sector-braces-for-eu-deforestation-law.html>
- Vietnam Today. (2026, ngày 28 tháng 6). EUDR: Tracing Việt Nam's agricultural exports [Video]. VTV. <https://www.youtube.com/watch?v=OKI-NQip48E>
- Vu, T. B. H. (2022, ngày 15 tháng 12). EU Deforestation Regulation must not imperil Vietnam's coffee farmers' livelihoods. FERN. <https://www.fern.org>
- Yalcin, E., Felbermayr, G., & Kinzius, L. (2017). Hidden protectionism: Non tariff barriers and implications for international trade (pp. 8-18). Ifo Center for International Economics.